

GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ HỌC HOÀ NHẬP

Lê Thị Tâm, Nguyễn Thị Kim Hoa
Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia

Tóm tắt

Giáo dục giới tính cho học sinh khuyết tật trí tuệ (KTTT) là chủ đề mới, nhiều thách thức đối với các cán bộ quản lý, giáo viên hay người chăm trong các cơ sở giáo dục. Hạn chế về nhận thức khiến học sinh khuyết tật trí tuệ không cảm nhận được hết sự thay đổi của cơ thể và nhu cầu cần chuẩn bị để đối mặt với các vấn đề này khi đến tuổi dậy thì. Bài báo này mô tả quá trình và kết quả thử nghiệm một số chủ đề giáo dục giới tính cho 03 trường hợp học sinh KTTT đang tham gia học tập trong trường tiểu học hoà nhập. Kết quả thử nghiệm cho thấy những kết quả chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi giới tính của 03 học sinh KTTT được thử nghiệm.

Từ khóa: khuyết tật trí tuệ; giáo dục giới tính.

Abstract

Sexual education for students with intellectual disabilities is a new and challenging issue with managers, teachers or caregivers. Cognitive limitations make it difficult for students with intellectual disabilities to fully feel physical changes; therefore, the students need to be equipped with knowledge and skills related to sex to prepare for their puberty. This paper describes the process and results of experimenting some sexual education topics for 03 cases of students with intellectual disabilities studying in inclusive elementary school. The experiment shows positive results on sexual awareness and behavior of the three students.

Key words: Intellectual disabilities, sexual education

1. Đặt vấn đề

Theo ước tính của tổ chức WHO, trẻ KTTT luôn là nhóm chiếm tỉ lệ cao nhất, khoảng 29% - 33%, trong tổng số trẻ khuyết tật. Mọi trẻ KTTT đều hạn chế đồng thời cả nhận thức và kỹ năng sống. Trong khi đó, phần lớn trẻ KTTT lại trải qua các giai đoạn phát triển thể chất như mọi trẻ em khác. Ở độ tuổi từ 11 đến 16 tuổi, trẻ KTTT có sự thay đổi lớn về tâm sinh lý: cơ quan sinh sản bắt đầu phát triển và ngày càng hoàn thiện, cùng với đó là bản năng, nhu cầu sinh dục xuất hiện. Trong khi đó, sự thiếu hiểu biết về giới và các kỹ năng giới tính phù hợp khiến các em xuất hiện nhiều hành vi không phù hợp; ảnh hưởng xấu đến sức khỏe sinh sản, tổn thương nghiêm trọng cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Việc áp dụng những phương pháp, biện pháp vào dạy học nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng giới tính cho nhóm trẻ này đặc biệt quan trọng.

2. Nội dung thử nghiệm

2.1. Đối tượng được thử nghiệm

- 03 HS Khuyết tật trí tuệ lứa tuổi 11 - 16 tuổi, đang tham gia học tập tại mô hình chuyên biệt và mô hình hoà nhập, trong đó:

• 01 HS KTTT học tại trường hoà nhập (Trường có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập);

• 01 HS KTTT học tại trường hoà nhập (Trường có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập);

• 01 HS KTTT học tại trường hoà nhập (Trường không có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập).

- HS được lựa chọn thử nghiệm có sự khác nhau về đặc điểm giới tính, độ tuổi và hiểu biết về giới tính. Sự khác biệt này giúp nhóm nghiên cứu đánh giá được cụ thể và khách quan các phương pháp thử nghiệm về giáo dục giới tính đã đề xuất trong đề tài. Cụ thể:

• 01 trường hợp HS học tại trường hoà nhập; giới tính: nữ; giai đoạn đầu của giai đoạn dậy thì (cơ thể bắt đầu phát triển vùng ngực và vùng âm vật, nhưng chưa có kinh nguyệt; chưa biết bảo vệ bản thân trong tương tác với người xung quanh);

• 01 trường hợp HS học tại trường hoà nhập; giới tính: nữ; đã bước vào giai đoạn dậy thì (có kinh nguyệt);

• 01 trường hợp HS học tại trường hoà nhập; giới tính: nam; chưa bước vào giai đoạn dậy thì.

2.2. Thời gian thử nghiệm

- 03 tháng (từ tháng 02/ 2019 đến tháng 4/2019)

2.3. Đối tượng tiến hành thử nghiệm

- Chuyên gia: tiến hành hướng dẫn giáo viên quan sát, thu thập thông tin; định hướng nội dung thử nghiệm; hướng dẫn xây dựng tiết dạy mẫu, giáo án mẫu; giám sát hoạt động thử nghiệm của giáo viên theo hai hình thức trực tiếp và từ xa;

- Giáo viên: 04 giáo viên dạy học trong môi trường trường chuyên biệt và hoà nhập cho HS KTTT lứa tuổi 11 - 16 tuổi. Giáo viên trực tiếp tiến hành quan sát, thu thập thông tin về biểu hiện, tần suất xuất hiện hành vi giới tính của HS; xây dựng giáo án chi tiết, chuẩn bị đồ dùng dạy học và tiến hành tiết dạy cá nhân hoặc nhóm cho HS KTTT được lựa chọn thử nghiệm; đánh giá kết quả thực hiện của HS và báo cáo kết quả với nhóm nghiên cứu đề tài.

2.4. Nội dung chủ đề thử nghiệm

Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khuyết tật bao gồm 15 bài học, chia thành 3 nhóm

chủ đề.

- Chủ đề nhận thức về giới gồm 5 bài: bài 1. Giống hay khác; bài 2: Sự thay đổi cơ thể bạn gái khi dậy thì; bài 3. Kinh nguyệt; bài 6. Sự thay đổi cơ thể bạn trai khi dậy thì và bài 7. Vùng riêng tư .
- Chủ đề kỹ năng giới tính gồm 7 bài: bài 4. Sử dụng băng vệ sinh; bài 5. Kỹ năng tắm của bạn gái; bài 7. Kỹ năng tắm đối với bạn trai; bài 8. Thủ dâm; bài số 9. Xử lý khi mộng tinh; bài 12. Tương tác phù hợp; bài 14. Phản ứng khi bị động chạm.
- Chủ đề kỹ năng xã hội trong quan hệ giới gồm 3 bài: bài 12. Tương tác phù hợp; bài 14. Kỹ năng lắng nghe; bài 15. Kỹ năng hội thoại.

3. Kết quả thử nghiệm

3.1. Trường hợp trẻ N.T.K - Trường hợp HS KTTT tại trường hoà nhập có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập

a. Những thông tin chung

M.H là một học sinh KTTT nữ 12 tuổi đang tham gia học hoà nhập tại lớp 4B, trường tiểu học Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội (M.H bị đúp một năm lớp 1, một năm lớp 2). Do có những khó khăn nhất định về khả năng đọc, viết và tính toán, M.H được tham gia một số tiết học tại Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập trong nhà trường theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Trong đó, Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập được xây dựng từ sự hỗ trợ của dự án “Cải thiện môi trường giáo dục cho trẻ em và thanh thiếu niên khuyết tật tại Hà Nội” do tổ chức Koica (Hàn Quốc) tài trợ (Điều phối dự án là Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn Hoà nhập cho người khuyết tật (ICC), với sự tư vấn chuyên môn của Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia, Viện Khoa học Giáo dục VN).

b. Đặc điểm giới tính

Đặc điểm nhận thức và kỹ năng giới tính của M.H được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây

Lĩnh vực	Mức độ				Biểu hiện
	3	2	1	0	
Phân biệt giới tính	√				Chỉ/ nêu được hai giới và các đặc điểm khác biệt giữa hai giới nam và nữ;
Thay đổi và trưởng thành ở tuổi dậy thì			√		Chỉ/ nêu được các bộ phận cơ bản của nữ; nhưng chưa nêu được tên được một số bộ phận thuộc cơ quan sinh dục của nữ.
				√	Chưa chỉ ra/nêu tên các bộ phận thuộc cơ quan sinh dục của nam.
				√	Chưa chỉ/ nêu được sự thay đổi về đặc điểm sinh lý và

				tâm lý của nữ giai đoạn dậy thì.
			√	Chưa có kiến thức về kinh nguyệt
Vệ sinh và chăm sóc cơ thể	√			Có thể tự tắm, gội, vệ sinh cho bản thân.
			√	Chưa biết cách sử dụng băng vệ sinh (HS chưa có kinh nguyệt tại thời điểm này).
Trương tác, hành vi giới tính			√	Có những phản ứng chưa phù hợp khi bị các bạn nam động chạm vào cơ thể (để cho các bạn động chạm, trêu đùa; hoặc cảm thấy thích thú và tham gia động chạm vào các bộ phận của bạn khác).
An toàn giới tính	√			Không phân biệt người lạ người quen. Thích bắt chuyện, trò chuyện với người khác giới.

Trong đó:

- *Mức 3 là HS có kiến thức và thực hiện tốt, thuần thục;*
- *Mức 2 là HS có kiến thức và tự thực hiện được một phần;*
- *Mức 1 là HS có thể thực hiện được một phần nhưng cần được hỗ trợ;*
- *Mức 0 là HS chưa có kiến thức hoặc chưa thực hiện được.*

Theo chia sẻ của phụ huynh, M.H có tiền sử bị lạm dụng tình dục (vào năm lớp 2, bởi một người hàng xóm lớn tuổi; hành vi lạm dụng mới chỉ dừng lại ở mức bị ôm hôn, bế vào lòng, bị sờ vào ngực và vùng giữa hai chân). M.H không kể lại chuyện với gia đình trong một số lần bị lạm dụng.

Kết quả tổng hợp thông tin phía trên cho thấy, M.H là học sinh KTTT cần được trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng giới tính để em có thể bảo vệ bản thân và tránh xa các nguy cơ bị xâm hại tình dục.

c. Nội dung thử nghiệm

Từ kết quả tổng hợp nêu trên, nhóm nghiên cứu xác định những nội dung dạy học ưu tiên cho M.H trong hoạt động thử nghiệm như sau:

- *Bảo vệ bản thân (Bài số 13 trong đề tài)*
- *Trương tác giới phù hợp với người khác (Kết hợp Bài 12 và 13 trong đề tài).*
- *Sử dụng băng vệ sinh (Bài 4 trong đề tài)*

Từ nội dung nêu trên, dựa vào đặc điểm của M.H, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích bài dạy cho M.H như sau:

Nội dung	Bài dạy cụ thể
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Bảo vệ bản thân</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Vùng riêng tư của bạn gái • Phản ứng khi có người động, chạm vào vùng riêng tư của bản thân
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Tương tác giới phù hợp với người khác</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Khoảng cách phù hợp khi nói chuyện • Động, chạm phù hợp với mọi người xung quanh • Tương tác phù hợp với người lạ
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Sử dụng băng vệ sinh</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh nguyệt ở bạn gái; • Cách tính chu kì kinh nguyệt; • Các loại băng vệ sinh; • Thời gian thay băng vệ sinh; • Quy trình đóng băng vệ sinh tại trường; • Quy trình thay băng vệ sinh tại trường; • Vệ sinh bộ phận sinh dục trong kì kinh nguyệt.

d. Thời gian thử nghiệm

- Thời gian thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 02/2019 đến tháng 4/2019);
- Địa điểm: Tại lớp hoà nhập và tại Phòng hỗ trợ Giáo dục hoà nhập - Trường Tiểu học Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Thời lượng:
 - Tiết cá nhân: 35phút/ tiết (1 tiết/ tuần) được thực hiện bởi giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập tại Phòng hỗ trợ và phụ huynh tại gia đình.
 - Tiết nhóm: 45 - 50 phút/ tiết (1tiết/ tuần). M.H học nhóm cùng 01 HS nữ Rối loạn phổ tự kỷ (lớp 5) và 01 HS nữ KTTT có hội chứng Down (lớp 4; đã đúp lại một năm lớp 1);
 - Học tập tích hợp tại lớp hoà nhập trong các tiết đạo đức, âm nhạc và mỹ thuật.

e. Quy trình thử nghiệm

Áp dụng quy trình trong phần “*a. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT trong trường hoà nhập*” - Mục “*Trường có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập*” thuộc phần “*3.4.2. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT*”

f. Kết quả thử nghiệm

- Kết quả thử nghiệm trực tiếp trên HS

Kết quả về mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng giới tính của P.L sau thời gian thử nghiệm thu được như sau:

Lĩnh vực	Mức độ				Biểu hiện
	3	2	1	0	
<i>Bảo vệ bản thân</i>	√				<ul style="list-style-type: none"> Chỉ và nêu được tên các bộ phận thuộc vùng riêng tư của bản thân (bao gồm các cơ quan sinh dục bên trong cơ thể).
	√				<ul style="list-style-type: none"> Nêu được các cách thức phản ứng khi có người động, chạm vào vùng riêng tư của bản thân.
<i>Tương tác giới phù hợp với người khác</i>		√			<ul style="list-style-type: none"> Giữ được khoảng cách xa khoảng một cánh tay khi giao tiếp với người đối diện
		√			<ul style="list-style-type: none"> Không động, chạm vào người khác giới, đặc biệt là khu vực riêng tư của người đó.
	√				<ul style="list-style-type: none"> Nêu được những cách thức tương tác với người lạ một cách phù hợp: giữ khoảng cách khi nói chuyện, tránh xa người lạ...
<i>Sử dụng băng vệ sinh</i>	√				<ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số thông tin cơ bản về kinh nguyệt ở bạn gái.
			√		<ul style="list-style-type: none"> Tính được chu kì kinh nguyệt của bản thân (dựa trên chu kì ổn định dự kiến: khoảng 28 ngày hoặc 30 ngày).
	√				<ul style="list-style-type: none"> Nêu/ chỉ được các loại băng vệ sinh thông thường dựa trên đặc điểm hoặc công dụng của chúng.
	√				<ul style="list-style-type: none"> Đóng và thay băng vệ sinh theo quy trình đã định khi tham gia học tập tại trường học.
			√		<ul style="list-style-type: none"> Xác định được khoảng thời gian thay băng vệ sinh trong thời gian tham gia học tập tại trường học.
		√			<ul style="list-style-type: none"> Nêu được cách thức vệ sinh bộ phận sinh dục trong kì kinh nguyệt.

Kết quả sau thử nghiệm cho thấy, trong 11 nội dung đưa vào dạy học cho M.H, có 6/11 nội dung đạt ở mức 3 (HS có kiến thức và thực hiện tốt, thuần thục), 3/11 nội dung đạt ở mức 2 (HS có kiến thức và tự thực hiện được một phần) và 2/11 nội dung đạt ở mức 1 (HS có thể thực hiện được một phần nhưng cần được hỗ trợ). Không có nội dung nào ở mức 0 (HS chưa có kiến thức hoặc chưa

thực hiện được). Kết quả này phản ánh biến chuyển tích cực trong nhận thức và hành vi giới tính của M.H sau thời gian thử nghiệm. Cụ thể:

Đối với phần “bảo vệ bản thân”, M.H thực hiện 2/2 nội dung ở mức 3. Cụ thể, M.H có thể chỉ và nêu được tên các bộ phận thuộc vùng riêng tư của bản thân (bao gồm các cơ quan sinh dục bên trong cơ thể), cũng như nêu được các cách thức phản ứng khi có người động, chạm vào vùng riêng tư của bản thân (phản ứng tự vệ, kêu cứu báo hiệu, kể lại với cha mẹ, thầy cô...). Điều này giúp thay đổi thực tế, giúp M.H tránh được nguy cơ bị lạm dụng thân thể trong thực tế khi tương tác với người khác.

“Tương tác giới phù hợp với người khác” cũng là lĩnh vực M.H đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó 1/3 nội dung đạt ở mức 3 và 2/3 nội dung đạt ở mức 2. Cụ thể, M.H đã ý thức hơn trong việc giữ khoảng cách phù hợp khi tương tác, giao tiếp với mọi người xung quanh (bạn bè khác giới, thầy giáo và người lạ). Mặc dù, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên chuyên biệt tại Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập vẫn còn phải giám sát hành vi này ở M.H (do em chưa đạt đến mức 3 cho tất cả các nội dung), nhưng đây cũng là cơ sở tích cực giúp giảm thiểu hành vi động, chạm thân thể giữa M.H với người khác giới và người lạ.

Trong lĩnh vực “sử dụng băng vệ sinh”, M.H còn gặp khó khăn với những nội dung đòi hỏi khả năng tính toán, ước lượng như tính được chu kỳ kinh nguyệt của bản thân hoặc xác định được khoảng thời gian thay băng vệ sinh trong thời gian tham gia học tập tại trường học. Khó khăn này một phần xuất phát từ kỹ năng tính toán còn hạn chế của M.H. Nhóm nghiên cứu đã đề xuất với gia đình về việc mã hóa màu sắc trên lịch treo tường (dạng lịch tháng) để giúp M.H có sự chuẩn bị trước kỳ kinh nguyệt mỗi tháng. Bên cạnh đó, việc mã hóa giờ thay băng vệ sinh (khoanh vào những giờ cần thay băng vệ sinh vào mô hình đồng hồ trên giấy) cũng được triển khai và giám sát bởi giáo viên hoà nhập nhằm giúp M.H thực hiện hoạt động này tốt.

M.H đạt được tiến bộ rõ nét nhất trong những nội dung liên quan đến sử dụng băng vệ sinh, bao gồm lựa chọn loại băng vệ sinh phù hợp, đóng và tháo băng vệ sinh trong những ngày có kinh nguyệt tại trường học. Một điều đặc biệt là trong quá trình tiến hành thử nghiệm nhằm chuẩn bị trước kỹ năng vệ sinh khi có kinh nguyệt cho M.H, M.H bắt đầu có kinh nguyệt vào tháng 3/2019 (giữa giai đoạn thử nghiệm). Cùng với sự phối hợp của gia đình, giáo viên hỗ trợ tại Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập, giáo viên hoà nhập, hoạt động vệ sinh và sử dụng băng vệ sinh tại trường của M.H diễn ra tương đối thuận lợi.

Kết quả đánh giá của giáo viên và phụ huynh

Giáo viên phòng hỗ trợ và phụ huynh đều nhận định những tiến bộ rõ rệt của M.H sau giai đoạn thử nghiệm. Bên cạnh đó, giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập và phụ huynh HS M.H đều đánh giá cao cách thức tiếp cận, triển khai hoạt động hỗ trợ và nội dung giáo dục giới tính trong chương trình thử nghiệm (“nội dung gần gũi, cần thiết; nội dung được phân tách rõ ràng; các hoạt động đa dạng

giúp dễ dàng triển khai đến HS; phần hình ảnh sinh động và phù hợp với nội dung dạy học).

3.2. Trường hợp trẻ L.T.V - Trường hợp HS học tập tại trường có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập

a. Đặc điểm nhận thức và hành vi giới tính

T.V là học sinh KTTT nữ, 12 tuổi, đang theo học lớp 4 tại một trường tiểu học T.T tại quận Hoàng Mai. Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy T.V thiếu nhiều kiến thức và kỹ năng giới tính. Cụ thể: T.V mới nhận biết, phân biệt được bạn trai, bạn gái; chỉ và một số bộ phận trên cơ thể (bao gồm bộ phận sinh dục theo ngôn ngữ dân gian như “bím/ bướm”); chỉ và nói được tên băng vệ sinh. Theo chia sẻ của giáo viên chủ nhiệm, T.V đã có kinh nguyệt nhưng chưa biết đóng và thay băng vệ sinh. Đến kỳ kinh nguyệt, mẹ T.V phải đón T.V về vào buổi trưa để thay băng vệ sinh cho con. Tại lớp học, có lần do khó chịu, T.V đã tháo băng vệ sinh ra và ném ra sàn lớp học khiến các bạn trong lớp hoảng sợ.

Nhờ sự hỗ trợ của Ủy ban Bác ái Xã hội - Caritas Việt Nam, Trường tiểu học T.T tại quận Hoàng Mai đã thành lập một phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong nhà trường. Giáo viên hoà nhập là người tiến hành các tiết hỗ trợ cá nhân cho HS có nhu cầu giáo dục hoà nhập tại phòng hỗ trợ dựa trên khả năng và nhu cầu của HS.

b. Nội dung thử nghiệm

Các nội dung giáo dục giới tính sau được triển khai thông qua chủ đề “*Con người và sức khoẻ*” trong môn Khoa học lớp 4, trong tiết cá nhân tại Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập, và tại gia đình:

- *Sự thay đổi của cơ thể khi dậy thì (Bài số 2 trong đề tài);*
- *Kinh nguyệt (Bài số 3 trong đề tài);*
- *Sử dụng băng vệ sinh trong kỳ kinh nguyệt (Bài số 4 trong đề tài);*
- *Công cộng và riêng tư (Bài số 10 trong đề tài);*

Tại gia đình, bố mẹ sẽ triển khai củng cố các nội dung nêu trên (theo kế hoạch mà giáo viên gửi về). Trong đó, phụ huynh tập trung vào hướng dẫn các kỹ năng giới tính cụ thể liên quan đến vệ sinh bộ phận sinh dục và đóng/ thay băng vệ sinh.

d. Thời gian thử nghiệm

- Thời gian thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 02/2019 đến tháng 4/2019);
- Địa điểm: Trường tiểu học T.T, Hà Nội
- Thời lượng:
 - Tiết cá nhân: khoảng 35phút/ tiết (2 - 3 tiết/ tuần) - Do giáo viên hoà nhập hỗ trợ tại Phòng hỗ trợ Giáo dục hoà nhập;

- Tiết nhóm lớp: Nội dung giáo dục giới tính được triển khai thông qua chủ điểm “*Con người và sức khoẻ*” trong môn Khoa học lớp 4 (1 tiết/ tuần; 40 phút/ tiết).
- Tiết thực hành tại gia đình (định hướng gia đình thực hiện 2 - 3 tiết/ tuần; 30 - 40 phút/ tiết).

e. Quy trình thử nghiệm

Áp dụng Quy trình trong phần “*a. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT trong trường hoà nhập*” - Mục “*Trường có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập*” thuộc phần “*3.4.2. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT*”

f. Kết quả thử nghiệm

- Kết quả thử nghiệm trực tiếp trên HS

Kết quả về mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng giới tính của Đ.M sau thời gian thử nghiệm thu được như sau:

Nội dung	Mức độ				Biểu hiện
	3	2	1	0	
<i>Sự thay đổi của cơ thể khi dậy thì</i>		√			Gọi đúng tên các bộ phận sinh dục cơ bản trên cơ thể nữ (bằng tên thường gọi và tên thông tục).
			√		Nêu được một số đặc điểm thay đổi về thể chất trên cơ thể bạn nữ khi dậy thì (nêu được đầy đủ khi có hình ảnh gọi nhắc).
<i>Kinh nguyệt</i>	√				Nêu được các dấu hiệu khi bản thân có kinh nguyệt;
	√				Nêu được tên các đồ dùng cần chuẩn bị cho ngày có kinh nguyệt;
<i>Sử dụng băng vệ sinh trong kỳ kinh nguyệt</i>	√				Chỉ/ nêu tên được các loại băng vệ sinh dựa trên đặc điểm, chức năng sử dụng của chúng: băng vệ sinh hàng ngày, băng vệ sinh thông thường, băng vệ sinh ban đêm; băng vệ có cánh và băng vệ sinh không cánh.
			√		Xác định được khoảng thời gian để báo với giáo viên hoặc tự thay băng vệ sinh trong những ngày có kinh nguyệt.
			√		Đóng băng vệ sinh theo đúng quy trình theo hai hình thức (đóng trực tiếp vào quần lót đang mặc hoặc đóng vào quần lót rời).
			√		Thay băng vệ sinh theo đúng quy trình theo hai hình thức (tháo trực tiếp từ quần lót đang mặc hoặc từ quần lót đã được

				cởi khỏi cơ thể).
		√		Vệ sinh bộ phận sinh dục trong kì kinh nguyệt theo đúng quy trình được dạy.
<i>Công cộng và riêng tư</i>	√			Chỉ và nêu tên của một số nơi riêng tư cho bản thân.
	√			Chỉ và nêu tên của một số nơi công cộng (lớp học, sân trường, thư viện...).
		√		Nêu được một số hành vi phù hợp và chưa phù hợp tại nơi công cộng (bao gồm hành vi tháo và ném băng vệ sinh ra sàn lớp học).

Kết quả sau thử nghiệm cho thấy T.V đạt được một số tiến bộ trong nhận thức và kỹ năng giới tính. Trong đó, các mục tiêu về nhận thức đạt kết quả tốt hơn hẳn mục tiêu về kỹ năng. Kết quả giám sát hoạt động thử nghiệm đã lý giải cho sự khác biệt này trong kết quả thực hiện của T.V. Cụ thể, giáo viên đã thực hiện tương đối tốt hoạt động hỗ trợ cho T.V thông qua lồng ghép nội dung hỗ trợ vào chương trình môn Khoa học lớp 4 (chủ điểm “*Con người và sức khỏe*”) và tiến hành tiết cá nhân tại Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập. Tuy nhiên, sự phối hợp và thực hiện của gia đình với các nội dung thử nghiệm lại chưa tốt. Cụ thể, gia đình thường xuyên không hoàn thành phiếu báo cáo kết quả dạy con tại gia đình; thường vắng mặt trong các cuộc họp định kỳ sau mỗi tháng thử nghiệm và nêu ra nhiều lý do về khả năng hạn chế của con trong quá trình học tập.

Kết quả đánh giá của giáo viên và phụ huynh

Giáo viên hoà nhập đưa ra những đánh giá tích cực đối với những tiến bộ về hành vi giới tính của T.V tại lớp học hoà nhập:

“T.V không còn tháo băng vệ sinh và vứt ra giữa phòng học. Con biết nhờ cô giúp đỡ khi thấy khó chịu hoặc muốn thay băng vệ sinh. Con cũng nắm được các kiến thức cơ bản về giới tính như nam/nữ; kinh nguyệt; các loại băng vệ sinh và khu vực công cộng, riêng tư”.

Giáo viên hoà nhập đánh giá chính sự kết hợp kém hiệu quả của phụ huynh là yếu tố dẫn đến kết quả còn hạn chế về kỹ năng giới tính của T.V. Giáo viên hoà nhập nhận định T.V đã có thể nhớ được quy trình vệ sinh và đóng/ thay băng vệ sinh dựa trên hình ảnh; nhưng không được tạo cơ hội thực hành trong môi trường thực (gia đình). Giáo viên hoà nhập nhận ra được vấn đề nhưng tại môi trường hoà nhập, giáo viên khó có thể tiến hành dạy những thao tác vệ sinh trực tiếp cho T.V.

3.3. Trường hợp trẻ D.Đ.M - Trường hợp HS học tập tại trường không phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập

a. Đặc điểm nhận thức và hành vi giới tính

Đ.M là một học sinh KTTT nam có hội chứng Down. Đ.M 13 tuổi và đang theo học lớp 5 tại

một trường tiểu học ở Hà Nội. Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy Đ.M chưa có các kiến thức cơ bản, sơ giản về giới tính (trừ nhận biết nam hay nữ). Đ.M từng lật váy bạn gái để “bắt bướm” chỉ vì bố mẹ trang bị cho Đ.M kiến thức thiếu chuẩn xác về bộ phận sinh dục của nam và nữ (bộ phận của nam là “con chim”, bộ phận của nữ là “con bướm”); do đó, khi nghe các bạn trong lớp nói “chúng mình đi bắt bướm thôi” Đ.M liền lật váy bạn gái để bắt bướm).

b. Nội dung thử nghiệm

Do Đ.M tham gia học tập tại trường tiểu học hoà nhập không có phòng hỗ trợ hoà nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập; vì vậy, các nội dung giáo dục giới tính sau được triển khai thông qua chủ điểm “*Con người và sức khoẻ*” trong môn Khoa học lớp 5:

- *Sự thay đổi của cơ thể khi dậy thì (Bài số 2 và số 6 trong đề tài);*
- *Kỹ năng tắm đối với bạn trai (Bài số 7 trong đề tài);*
- *Công cộng và riêng tư (Bài số 10 trong đề tài);*
- *Vùng riêng tư (Bài số 11 trong đề tài);*

Tại gia đình, bố mẹ sẽ triển khai củng cố các nội dung nêu trên (theo kế hoạch mà giáo viên gửi về). Bên cạnh đó, do đặc điểm nhạy cảm, phụ huynh sẽ được hướng dẫn để triển khai hỗ trợ thêm các nội dung giới tính khác:

- *Thủ dâm (Bài số 8 trong đề tài)*
- *Xử lý khi mộng tinh (Bài số 9 trong đề tài)*

d. Thời gian thử nghiệm

- Thời gian thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 02/2019 đến tháng 4/2019);
- Địa điểm: Trường tiểu học T.C, Hà Nội
- Thời lượng:
- Tiết cá nhân: khoảng 35phút/ tiết (2 - 3 tiết/ tuần) - Do phụ huynh thực hiện tại gia đình;
- Tiết nhóm lớp: Nội dung giáo dục giới tính được triển khai thông qua chủ điểm “*Con người và sức khoẻ*” trong môn Khoa học lớp 5 (1 tiết/ tuần; 40 phút/ tiết).

e. Quy trình thử nghiệm

Áp dụng Quy trình trong phần “*a. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT trong trường hoà nhập*” - Mục “*Trường không có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập*” thuộc phần “*3.4.2. Hướng dẫn thực hiện giáo dục giới tính cho HS KTTT*”

f. Kết quả thử nghiệm

- Kết quả thử nghiệm trực tiếp trên HS

Kết quả về mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng giới tính của Đ.M sau thời gian thử nghiệm thu được như sau:

Nội dung	Mức độ				Biểu hiện
	3	2	1	0	
<i>Sự thay đổi của cơ thể khi dậy thì</i>		√			Gọi đúng tên các bộ phận sinh dục cơ bản trên cơ thể nam và nữ;
		√			Nêu được một số đặc điểm thay đổi về thể chất trên cơ thể bạn nam khi dậy thì (nêu được đầy đủ khi có hình ảnh gợi nhắc).
<i>Kỹ năng tắm đối với bạn trai</i>	√				Nêu được tên và chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng cần thiết để chuẩn bị cho hoạt động tắm;
		√			Bước đầu thực hiện được hoạt động tắm theo đúng 12 bước đã được hình ảnh hóa;
		√			Thực hiện hoạt động tắm vào cuối buổi chiều (đôi khi còn cần nhắc nhở).
<i>Công cộng và riêng tư</i>	√				Chỉ và nêu tên của một số nơi riêng tư cho bản thân Đ.M (buồng ngủ cá nhân trong trường nội trú, phòng riêng tại gia đình, phòng vệ sinh...)
	√				Chỉ và nêu tên của một số nơi công cộng (lớp học, sân trường, thư viện...).
		√			Nêu được một số hành vi phù hợp và chưa phù hợp tại nơi công cộng.
<i>Vùng riêng tư</i>	√				Chỉ và nêu được đúng các vùng riêng tư của bạn trai và bạn gái.
		√			Nêu được các cách xử lý khi có người đụng chạm vào vùng riêng tư của mình.
<i>Thủ dâm</i>		√			Gọi tên được hoạt động thủ dâm khi được nghe mô tả.
	√				Nêu được một số địa điểm riêng tư mà mình có thể thực hiện hoạt động thủ dâm.
<i>Xử lý khi mộng tinh</i>		√			Nêu được một số đặc điểm cơ bản của hoạt động mộng tinh.
		√			Nêu được quy trình vệ sinh bộ phận sinh dục sau mỗi lần mộng tinh (dựa trên hình ảnh gợi nhắc).

Kết quả sau thử nghiệm cho thấy Đ.M đạt được nhiều kết quả tích cực về nhận thức và kỹ năng giới tính sau quá trình thử nghiệm.

Trước thử nghiệm, Đ.M chỉ đạt mức 0 với tất cả các nội dung đưa vào thử nghiệm. Sau thử nghiệm, Đ.M đã có thêm nhiều kiến thức và kỹ năng giới tính phù hợp (9/14 nội dung đạt mức 2 và 5/14 nội dung đạt mức 3). Kết quả này cho thấy Đ.M đã có khả năng tự xử lý tốt hơn các vấn đề giới tính liên quan đến tương tác giữa nam và nữ, bảo vệ bản thân, vệ sinh bản thân và xử lý những vấn đề giới tính tự nhiên (mộng tinh, thủ dâm).

□ Kết quả đánh giá của giáo viên và phụ huynh

Thông qua làm việc trực tiếp và phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu thu được phản hồi tích cực từ phía giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh về kết quả thực hiện của HS như sau:

	<i>Sự thay đổi của cơ thể khi dậy thì</i>	<i>Kỹ năng tâm đối với bạn trai</i>	<i>Công cộng và riêng tư</i>	<i>Vùng riêng tư</i>	<i>Thủ dâm</i>	<i>Xử lý khi mộng tinh</i>
Giáo viên hoà nhập	Mức 3	Mức 2	Mức 3	Mức 3	Không thực hiện tại trường	Không thực hiện tại trường
Phụ huynh	Mức 3	Mức 2	Mức 3	Mức 3	Mức 2	Mức 2

Nhìn chung, đánh giá về mức độ tiến bộ của HS Đ.M từ giáo viên và phụ huynh đều nằm ở mức 2 và mức 3, thể hiện sự tiến bộ đáng kể của Đ.M trong nhận thức và hành vi giới tính. Kết quả đánh giá này cũng đồng nhất với kết quả thử nghiệm mà nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá độc lập.

4. Đánh giá chung và kết luận

Quá trình thử nghiệm các chủ đề về giáo dục giới tính cho 03 trẻ KTTT tại môi trường hoà nhập đã thu được những kết quả tích cực nhất định.

Trong 03 trường hợp trẻ học tại trường hoà nhập, trường hợp trẻ học tại trường có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt nhất (mặc dù đặc điểm nhận thức và kỹ năng vệ sinh giới tính của trẻ này thấp hơn rất nhiều so với hai học sinh còn lại). Trường hợp trẻ học tại trường không có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập đạt được kết quả tích cực hơn so với trường hợp trẻ học tại trường có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập.

Kết quả thử nghiệm cũng cho thấy, Phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập đã góp phần tích cực trong việc giúp đẩy nhanh và hiệu quả hoạt động giáo dục hoà nhập nói chung vào giáo dục giới tính cho trẻ KTTT nói riêng tại môi trường giáo dục hoà nhập. Tuy

nhiên, với những trường không có phòng hỗ trợ giáo dục hoà nhập và không có giáo viên hỗ trợ giáo dục hoà nhập, hoạt động giáo dục giới tính vẫn có thể triển khai hiệu quả cho trẻ KTTT nếu giáo viên biết lựa chọn nội dung và dạy tích hợp vào chương trình phổ thông tại lớp hoà nhập (trong đề tài này là chủ đề “Con người và sức khoẻ” trong môn Khoa học lớp 4 và lớp 5).

Kết quả khả quan thu được trong phần thử nghiệm các nội dung giáo dục giới tính là tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau:

- Quy trình thử nghiệm bài bản: trong đó nhấn mạnh đến các bước tìm hiểu đặc điểm nhận thức và kỹ năng giới tính của trẻ; lựa chọn nội dung dạy học phù hợp và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên; cũng như việc chuyển giao kiến thức để giáo viên và phụ huynh có thể chủ động triển khai hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ tại chính môi trường lớp học chuyên biệt hoặc hoà nhập thân quen với trẻ.

- Hoạt động thử nghiệm được triển khai dựa trên sự phối kết hợp giữa nhà trường, nhóm nghiên cứu, giáo viên và phụ huynh trẻ. Kết quả thực nghiệm phản ánh rõ, những trường hợp trẻ được hỗ trợ tốt bởi nhà trường, giáo viên và phụ huynh đạt được kết quả tiến bộ rõ rệt về nhận thức và hành vi giới tính (chiếm 2/3 trường hợp trẻ được thử nghiệm). Trường hợp trẻ chỉ nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên mà thiếu mất sự hỗ trợ của phụ huynh, trẻ chỉ đạt được một số tiến bộ về mặt nhận thức chung (các kiến thức đơn giản, cơ bản về giới tính), nhưng không có được những tiến bộ về kỹ năng giới tính (trong đề tài này là trường hợp trẻ T.V với kỹ năng đóng và thay băng vệ sinh; kỹ năng vệ sinh vùng sinh dục trong những ngày có kinh nguyệt...).

- Các nội dung giáo dục giới tính được đề xuất đưa vào thử nghiệm đều dựa trên cơ sở xác định rõ đặc điểm hành trẻ và được thực hiện một cách bài bản dưới sự giám sát của nhóm nghiên cứu chứ không sử dụng các nội dung tự phát, thiếu kế hoạch;

- Các bài dạy được chia nhỏ về mặt nội dung và thời lượng. Bên cạnh đó, các kiến thức trong bài dạy được hình ảnh hóa một cách cụ thể. Nhờ đó, giáo viên dễ hình dung và đưa vào áp dụng trong dạy học cho HS KTTT (dựa trên kết quả phỏng vấn phụ huynh, giáo viên thử nghiệm và cán bộ quản lý nhà trường).

Có sự kết hợp đan xen giữa các phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ KTTT. Trong đó các phương pháp, biện pháp như làm mẫu, sử dụng hình ảnh trực quan và hướng dẫn tại môi trường thực được sử dụng nhiều hơn so với các phương pháp, biện pháp khác như dùng lời hay tổ chức trò chơi.

Tài liệu tham khảo

1. Balogh, R., Bretherton, K., Whibley, S., Berney, T., Graham, S., Richold, P., ... & Firth, H. (2001). Sexual abuse in children and adolescents with intellectual disability. *Journal of Intellectual Disability Research*, 45(3), 194-201.
2. Isler, A., Beytut, D., Tas, F., & Conk, Z. (2009). A study on sexuality with the parents of adolescents with intellectual disability. *Sexuality and Disability*, 27(4), 229.
3. Isler, A., Tas, F., Beytut, D., & Conk, Z. (2009). Sexuality in adolescents with intellectual disabilities. *Sexuality and disability*, 27(1), 27-34.
4. Kijak, R. J. (2011). A desire for love: considerations on sexuality and sexual education of people with intellectual disability in Poland. *Sexuality and disability*, 29(1), 65-74.
5. Parchomiuk, M. (2013). Model of intellectual disability and the relationship of attitudes towards the sexuality of persons with an intellectual disability. *Sexuality and disability*, 31(2), 125-139.